

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 236/TT- HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 05 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NHIỆM KỲ III (2019-2024)

Về việc: **Kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2019**
và 05 năm (giai đoạn 2019 – 2023).

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành, của địa phương liên quan đến lĩnh vực cấp nước;

Căn cứ Nghị quyết số 230/NQ-HĐQT ngày 05/6/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận tại phiên họp thứ 125, nhiệm kỳ 2014-2019;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh – tài chính năm 2019 và 05 năm (giai đoạn 2019 – 2023).

(Đính kèm Bảng kế hoạch chi tiết)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, P.TC-HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM HỮU SƠN

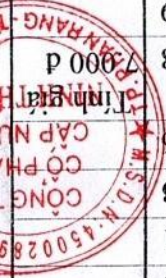
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

(Kèm theo Tờ trình số 236/TT-HDQT ngày 05/6/2019)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch Quý năm 2019					Ghi chú
			Thực hiện năm 2018	Quý I/2019	Quý II/2019	Quý III/2019	Quý IV/2019	
1	SẢN XUẤT - KINH DOANH							
1	Nước ghi thu	m ³	17.354.096	3.941.242	4.706.784	4.819.220	4.568.050	18.035.297
	+ M ³ nước ghi thu	m ³	15.839.601	3.599.617	4.309.043	4.390.550	4.173.974	16.473.185
	+ M ³ nước cung cấp DMH	m ³	1.313.302	298.625	343.741	369.670	340.665	1.352.701
	+ M3 Sơn Hải	m ³	201.193	43.000	59.000	53.411	209.411	
2	Doanh thu	tr d	156.923	36.480	43.088	43.305	41.190	164.063
	+ Doanh thu nước ghi thu	tr d	137.369	31.218	37.371	38.078	36.199	142.866
	+ Doanh thu nước cung cấp DMH	tr d	6.096	1.991	2.292	2.464	2.271	9.018
	+ Doanh thu nước Sơn Hải	tr d	1.528	326	410	448	405	1.589
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành	tr d	4.003	700	1.000	900	900	3.500
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành Sơn Hải	tr d	44	35	5	5	5	50
	+ Doanh thu tài chính	tr d	7.820	2.200	2.000	1.400	1.400	7.000
	+ Doanh thu khác	tr d	63	10	10	10	10	40
3	Chi phí	tr d	115.492	28.812	31.192	31.710	30.723	122.437
3.1	Gia vốn hàng bán	tr d	90.743	22.347	24.889	25.517	24.846	97.599
	+ Chi phí vật tư trực tiếp	tr d	37.072	8.565	10.230	10.473	9.928	39.196
	+ Chi phí nhân công	tr d	18.682	4.857	4.857	4.857	4.858	19.429
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr d	3.346	909	909	909	909	3.636



STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch Quý năm 2019				Ghi chú
				Quý I/2019	Quý II/2019	Quý III/2019	Quý IV/2019	
	+ An ca	tr đ	1.959	567	567	567	567	2.268
	+ Kinh phí CD	tr đ	311	84	84	85	85	338
	+ Khấu hao TSCĐ	tr đ	24.548	6.230	6.886	7.238	7.182	27.536
	+ Chi phí sản xuất chung	tr đ	4.825	1.135	1.356	1.388	1.317	5.196
3.2	Chi phí tài chính	tr đ	8.942	2.056	2.037	1.985	1.943	8.021
3.3	Chi phí bán hàng	tr đ	7.041	1.535	1.902	1.866	1.808	7.111
	+ Chi phí nhân công	tr đ	2.123	440	628	566	566	2.200
	+ Chi phí nguyên vật liệu	tr đ	4.354	923	1.102	1.128	1.070	4.223
	+ Chi phí khác	tr đ	564	172	172	172	172	688
3.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	tr đ	8.746	2.872	2.362	2.339	2.123	9.696
	+ Chi phí nhân công	tr đ	1.741	511	511	511	512	2.045
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	231	64	64	64	65	257
	+ Kinh phí CD	tr đ	21	6	6	6	6	24
	+ Kinh phí Đảng bộ	tr đ	67	18	25	20	42	105
	+ Chi phí khấu hao TS	tr đ	1.179	257	256	238	198	949
	+ Chi phí khác	tr đ	5.507	2.016	1.500	1.500	1.300	6.316
3.5	Chi phí khác	tr đ	20	2	2	3	3	10
4	Lợi nhuận trước thuế	tr đ	41.431	7.668	11.896	11.595	10.467	41.626
II	TÀI CHÍNH							
1	Vốn điều lệ	tr đ	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908
2	Vốn chủ sở hữu	tr đ	150.337					152.263
	Trong đó:							
	+ Vốn góp của chủ sở hữu	tr đ	94.908					94.908
	+ Thặng dư vốn cổ phần	tr đ	1.965					1.965

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch Quý năm 2019					Ghi chú
				Quý I/2019	Quý II/2019	Quý III/2019	Quý IV/2019	Cộng 2019	
	+ Quỹ đầu tư phát triển	tr đ	16.943					18.764	
	+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	tr đ	36.521					36.626	
3	Các khoản phải nộp NSNN	tr đ	16.853	3.408	4.294	4.281	4.035	16.017	
	<i>Trong đó:</i>	tr đ							
	+ Thuế TNDN	tr đ	5.016	918	1.438	1.390	1.254	5.000	
	+ Thuế GTGT	tr đ	3.294	600	600	600	600	2.400	
	+ Thuế tài nguyên	tr đ	28	7	7	7	9	30	
	+ Quyền khai thác nước NMN Tân Sơn	tr đ	110					-	
	+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	tr đ	9		9			9	
	+ Thuế môn bài	tr đ	7	8				8	
	+ Phí BVMTĐVN TSH	tr đ	7.431	1.655	1.980	2.018	1.919	7.572,9	
	+ Phí NTCN	tr đ	56	15	15	15	15	60	
	+ Phí DV MT rừng	tr đ	902	205	245	251	238	938	
4	Lợi nhuận sau thuế	tr đ	36.415	6.750	10.458	10.205	9.213	36.626	
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	38%	7%	11%	11%	10%	39%	
6	Số tiền phải trả vốn và lãi vay	tr đ	24.171		11.728		11.523	23.251	
III	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SAU THUẾ								
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	tr đ	2.017						
2	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	tr đ	36.415					36.626	
3	Quỹ đầu tư phát triển (dự tính 5% LNST)	tr đ	1.821					1.831	
4	Quỹ khen thưởng	tr đ	4.800					4.600	
5	Quỹ phúc lợi	tr đ	662					1.200	
6	Quỹ thưởng viên chức quản lý	tr đ	218					256	
7	Chi cổ tức	tr đ	18.982						

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch Quý năm 2019				Ghi chú	
				Quý I/2019	Quý II/2019	Quý III/2019	Quý IV/2019		Cộng 2019
8	Lợi nhuận để lại	tr đ	11.949					28.739	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUAN

TRỤ SỞ ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Hữu Sơn

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 ĐẾN 2023

(Kèm theo Tờ trình số 26/TTr-HDQT ngày 05/6/2019)

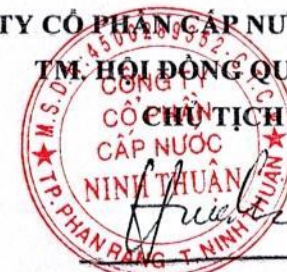
STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	KH 2019	KH 2020	KH 2021	KH 2022	KH 2023	Ghi chú
I	SẢN XUẤT - KINH DOANH								
1	Nước ghi thu		17.354.096	18.035.297	18.741.395	19.389.817	20.060.480	20.662.395	
	+ M ³ nước ghi thu	m ³	15.839.601	16.473.185	17.132.112	17.731.736	18.352.347	18.902.918	
	+ M ³ nước cung cấp ĐMH	m ³	1.313.302	1.352.701	1.393.282	1.435.081	1.478.133	1.522.477	
	+ M3 Sơn Hải	m ³	201.193	209.411	216.000	223.000	230.000	237.000	
2	Doanh thu	tr đ	156.923	164.063	168.548	172.580	177.302	181.427	
	+ Doanh thu nước ghi thu	tr đ	137.369	142.866	148.581	153.781	159.163	163.939	Tính giá 7.000 đ
	+ Doanh thu nước cung cấp ĐMH	tr đ	6.096	9.018	9.288	9.567	9.854	10.150	
	+ Doanh thu nước Sơn Hải	tr đ	1.528	1.589	1.639	1.692	1.745	1.798	
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành	tr đ	4.003	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành Sơn Hải	tr đ	44	50					
	+ Doanh thu tài chính	tr đ	7.820	7.000	5.500	4.000	3.000	2.000	
	+ Doanh thu khác	tr đ	63	40	40	40	40	40	
3	Chi phí	tr đ	115.492	122.437	126.234	129.372	133.794	136.987	
3.1	Giá vốn hàng bán	tr đ	90.743	97.599	101.968	105.791	110.705	114.475	
	+ Chi phí vật tư trực tiếp	tr đ	37.072	39.196	40.113	41.212	43.428	45.529	
	+ Chi phí nhân công	tr đ	18.682	19.429	20.206	21.014	21.855	22.947	
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	3.346	3.636	3.920	4.224	4.549	4.898	
	+ Ăn ca	tr đ	1.959	2.268	2.356	2.443	2.531	2.624	
	+ Kinh phí CĐ	tr đ	311	338	365	393	423	456	
	+ Khấu hao TSCĐ	tr đ	24.548	27.536	29.765	31.198	32.460	32.453	



STT	Chi tiêu	BVT	Thực hiện năm 2018	KH 2019	KH 2020	KH 2021	KH 2022	KH 2023	Ghi chú
	+ Chi phí sản xuất chung	tr d	4.825	5.196	5.243	5.307	5.459	5.568	
3.2	Chi phí tài chính	tr d	8.942	8.021	7.120	6.179	5.257	4.336	
3.3	Chi phí bán hàng	tr d	7.041	7.111	7.438	7.604	7.904	8.104	
	+ Chi phí nhân công	tr d	2.123	2.200	2.300	2.400	2.600	2.700	
	+ Chi phí nguyên vật liệu	tr d	4.354	4.223	4.450	4.500	4.600	4.700	
	+ Chi phí khác	tr d	564	688	688	704	704	704	
3.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	tr d	8.746	9.696	9.698	9.788	9.918	10.062	
	+ Chi phí nhân công	tr d	1.741	2.045	2.148	2.255	2.368	2.486	
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr d	231	257	269	283	297	312	
	+ Kinh phí CB	tr d	21	24	25	26	28	29	
	+ Kinh phí Đảng bộ	tr d	67	105	105	105	105	105	
	+ Chi phí khấu hao TS	tr d	1.179	949	710	450	365	145	
	+ Chi phí khác	tr d	5.507	6.316	6.441	6.669	6.755	6.985	
3.5	Chi phí khác	tr d	20	10	10	10	10	10	
4	Lợi nhuận trước thuế	tr d	41.431	41.626	42.314	43.208	43.508	44.440	
II	TÀI CHÍNH								
1	Vốn điều lệ	tr d	94.908	94.908	110.908	110.908	110.908	110.908	
2	Vốn chủ sở hữu	tr d	150.337	152.263	170.882	173.697	175.965	178.832	
	Trong đó:								
	+ Vốn góp của chủ sở hữu	tr d	94.908	94.908	110.908	110.908	110.908	110.908	
	+ Thặng dư vốn cổ phần	tr d	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965	
	+ Quỹ đầu tư phát triển	tr d	16.943	18.764	20.595	22.466	24.384	26.319	
	+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	tr d	36.521	36.626	37.414	38.358	38.708	39.640	
3	Các khoản phải nộp NSNN	tr d	16.853	16.017	16.257	16.518	16.789	17.074	
	Trong đó:								
	+ Thuế TNDN	tr d	5.016	5.000	4.900	4.850	4.800	4.800	
	+ Thuế GTGT	tr d	3.294	2.400	2.400	2.400	2.400	2.400	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	KH 2019	KH 2020	KH 2021	KH 2022	KH 2023	Ghi chú
	+ Thuế tài nguyên	tr đ	28	30	31	32	33	34	
	+ Quyền khai thác nước NMN Tân Sơn	tr đ	110						
	+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	tr đ	9	9	9	9	9	9	
	+ Thuế môn bài	tr đ	7	8	8	8	8	8	
	+ Phí BVMTĐVNTSH	tr đ	7.431	7.572	7.875	8.150	8.436	8.689	
	+ Phí NTCN	tr đ	56	60	60	60	60	60	
	+ Phí DV MT rừng	tr đ	902	938	975	1.008	1.043	1.074	
4	Lợi nhuận sau thuế	tr đ	36.415	36.626	37.414	38.358	38.708	39.640	
5	Tỷ suất LNST trên vốn điều lệ	%	38%	39%	34%	35%	35%	36%	
6	Số tiền phải trả vốn và lãi vay	tr đ	24.171	23.250	22.349	21.407	20.486	19.565	
III	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SAU THUẾ								
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	tr đ	2.017						
2	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	tr đ	36.415	36.626	37.414	38.358	38.708	39.640	
3	Quỹ đầu tư phát triển (dự tính 5% LNST)	tr đ	1.821	1.831	1.871	1.918	1.935	1.982	
4	Quỹ khen thưởng	tr đ	4.800	4.600	4.800	5.000	5.200	5.400	
5	Quỹ phúc lợi	tr đ	662	1.200	1.300	1.400	1.500	1.600	
6	Quỹ thưởng viên chức quản lý	tr đ	218	256	266	276	285	294	
7	Chi cổ tức	tr đ	18.982						
8	Lợi nhuận để lại	tr đ	11.949	28.739	29.177	29.764	29.788	30.364	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
 TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 237/TTtr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 05 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NHIỆM KỲ III (2019-2024)

Về việc: Kế hoạch đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2019
và 05 năm (giai đoạn 2019 – 2023).

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành, của địa phương liên quan đến lĩnh vực cấp nước;

Căn cứ Nghị quyết số 230/NQ-HĐQT ngày 05/6/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận tại phiên họp thứ 125, nhiệm kỳ 2014-2019;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2019 và 05 năm (giai đoạn 2019 – 2023).

(Đính kèm Bảng kế hoạch chi tiết)

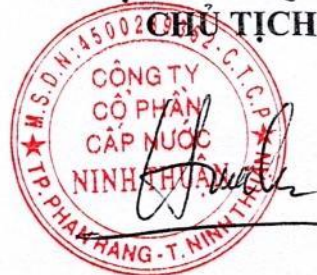
Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, P.TC-HC.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



PHẠM HỮU SƠN

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2019

(Kèm theo Tờ trình số 237/TTr-HĐQT ngày 05/6/2019)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch Quý năm 2019					Ghi chú
				Quý I/2019	Quý II/2019	Quý III/2019	Quý IV/2019	Cộng 2019	
	ĐẦU TƯ XDCB	tr đ	4.429	18.002	28.490	13.956	15.220	75.668	
I	Đầu tư XDCB 2017 chuyển qua (đã hoàn thành còn thanh toán)	tr đ	1.419	-	1.385	492	342	2.219	
1	+ Cải tạo, nâng cấp NMN Tháp Chàm giai đoạn 3	tr đ	461		576			576	
2	+ Lắp đặt hệ thống SCADA giám sát, điều khiển cho NMN Tháp Chàm	tr đ	301		301			301	
3	+ SCADA quản lý mạng lưới cấp nước khu vực Ngô Quyền	tr đ	258		259			259	
4	+ Cải tạo, sửa chữa các nhà máy: Van điện cánh bướm 2 mặt bích	tr đ	248		249			249	
5	+ Nhà máy sản xuất nước lọc tinh khiết	tr đ	151			154		154	Năm 2019 thanh toán đợt; Năm 2020 thanh toán 2 đợt
6	+ Mua máy xử lý bùn NMN Tháp Chàm	tr đ				338	342	680	Năm 2019 thanh toán 2 đợt; Năm 2020 thanh toán 2 đợt
II	Đầu tư XDCB 2018 chuyển qua	tr đ	3.010	15.990	16.738	-	-	32.728	
1	Mở rộng, cải tạo, sửa chữa mạng lưới tuyến ống các khu vực	tr đ	1.879	5.029	5.918	-	-	10.947	
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	+ Mở rộng mạng lưới KV PR-TC	tr đ	65	254				254	
1.2	+ Cải tạo mạng lưới KV PR-TC	tr đ	487	12				12	
1.3	+ Mở rộng mạng lưới KV Thuận Nam	tr đ						-	



STT	Chi tiêu	ĐV T	năm 2018	Quý I/2019	Quý II/2019	Quý III/2019	Quý IV/2019	Cộng 2019	chú
	ĐẦU TƯ XDCB	tr đ	4.429	18.002	28.490	13.956	15.220	75.668	
1.4	+ Mở rộng mạng lưới KV Ninh Phước (Tuyến ống cấp nước KV Phú Thọ công suất 3.000 m3/ngđ)	tr đ	491	4.082	5.918			10.000	
1.5	+ Mở rộng mạng lưới KV Ninh Sơn	tr đ						-	
1.6	+ Cải tạo mạng lưới KV Ninh Sơn	tr đ	27	50				50	
1.7	+ Mở rộng mạng lưới KV Ninh Hải	tr đ		221				221	
1.8	+ Cải tạo mạng lưới KV Ninh Hải	tr đ		410				410	
1.9	+ Dự phòng cải tạo, sửa chữa mạng lưới tuyến ống CN	tr đ	809					-	
2	Xây mới, cải tạo, sửa chữa các hạng mục Công ty	tr đ	359	6.613	10.820	-	-	17.433	
	<i>Trong đó:</i>							-	
2.1	+ Cải tạo công trình thu nước NMN Tân Sơn	tr đ		91				91	
2.2	+ Cải tạo Công trình thu NMN Tháp Chàm	tr đ	65	92				92	
2.3	+ Xưởng gia công cơ khí NMN Tháp Chàm	tr đ		400				400	
2.4	+ Lắp mới biến tần trạm bơm cấp 1 NMN Tháp Chàm	tr đ	294					-	
2.5	+ Cải tạo nâng cấp bơm đi Phan Rang và đi Phước Dân trạm 2 NMN Tháp Chàm	tr đ		80	9.320			9.400	
2.6	+ Đánh giá ĐTM Nâng cấp khu xử lý Nhà Máy nước Tháp Chàm 52.000m3/ngđ lên 150.000m3/ngđ	tr đ		500				500	
2.7	+ Xin cấp phép khai thác nước mặt NMN Tháp Chàm 150.000m3/ngđ	tr đ		500				500	
2.8	+ Sửa chữa cổng, tường rào khuôn viên Công ty CP CNNT	tr đ		440				440	
2.9	+ Sửa chữa phòng Chủ tịch HĐQT, phòng GD, sửa chữa nhà kho Công ty CPCNNT	tr đ		450				450	
2.10	+ Cải tạo sân đường nội bộ khuôn viên Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận	tr đ		660				660	

STT	Chi tiêu	DVT	năm 2018	Quý I/2019	Quý II/2019	Quý III/2019	Quý IV/2019	Cộng 2019	chú
	ĐẦU TƯ XDCB	tr đ	4.429	18.002	28.490	13.956	15.220	75.668	
2.11	+ Cải tạo nhà để xe 2 bánh thành nhà để xe ô tô, xây mới nhà để xe nhân viên Văn phòng Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận	tr đ		230				230	
2.12	+ Xây mới các phòng làm việc và Phòng họp lớn Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận.	tr đ		1.000				1.000	
2.13	+ Sơn sửa Đài nước 750m3 Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận	tr đ		170				170	
2.14	+ Bể chứa 1.000 M3 Tân Sơn	tr đ		2.000	1.500			3.500	
3	Đầu tư khác	tr đ	772	3.348	-	-	-	3.348	
3.1	+ Nâng cấp phần mềm kế toán	tr đ	20					-	
3.2	+ Nâng cấp phần mềm quản lý khách hàng	tr đ	120	280				280	
3.3	+ Mua máy dò tìm xì chảy	tr đ						-	
3.4	+ Mua sắm thiết bị khác	tr đ	-	1.600	-	-	-	1.600	
	<i>Scada Nhà máy nước Tân Sơn</i>	tr đ		950				950	
	<i>Mua bơm chìm trạm 1 Nhà máy nước Tân Sơn</i>	tr đ		650				650	
3.5	+ Dự phòng thay thế thiết bị	tr đ	632	1.468	-	-	-	1.468	
	<i>Mua động cơ và bơm dự phòng trạm 1 Nhà máy nước Tháp Chàm</i>	tr đ	400	950				950	
	<i>Lắp máy bơm 90 KW dự phòng - Trạm bơm tăng áp Phan Rang</i>	tr đ	232	518				518	
4	Lập dự án bước chuẩn bị đầu tư	tr đ	-	1.000				1.000	
4.1	+ Nâng cấp NMN Tháp Chàm từ 52,000 m3/ngđ lên 120,000 m3/ngđ (lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án)	tr đ		500				500	
4.2	+ Xây mới trạm tăng áp khu vực Phan Rang - TC (bước chuẩn bị đầu tư dự án)	tr đ		500				500	
								-	
III	Đầu tư XDCB 2019	tr đ		2.012	10.367	13.464	14.878	40.721	
1	Mở rộng, cải tạo, sửa chữa, thay thế tuyến ống các khu vực			492	1.352	1.464	878	4.186	
1.1	Mở rộng mạng lưới KV PR-TC	tr đ		267	216			483	
1.2	Mở rộng mạng lưới KV Thuận Nam	tr đ				252	304	556	
1.3	Mở rộng mạng lưới KV Ninh Phước	tr đ			354	241		595	

0289
 NG T
 PH A
 NUC
 H TH
 NG-T

STT	Cm tiêu	DVT	năm 2018	Quý I/2019	Quý II/2019	Quý III/2019	Quý IV/2019	Cộng 2019	chú
	ĐẦU TƯ XDCB	tr đ	4.429	18.002	28.490	13.956	15.220	75.668	
1.4	Mở rộng mạng lưới KV Ninh Sơn	tr đ				165	155	320	
1.5	Mở rộng mạng lưới KV Ninh Hải	tr đ			317	449		766	
1.6	Cải tạo mạng lưới KV Ninh Phước, Thuận Nam	tr đ		25	100	53	169	347	
1.7	Cải tạo mạng lưới KV Ninh Sơn	tr đ			165	54		219	
1.8	Sửa chữa xì chảy, Chống thất thoát	tr đ		50	50	100	100	300	
1.9	Sửa chữa thay thế ống STK qua ống HDPE	tr đ		150	150	150	150	600	
2	Đầu tư Xây dựng cơ bản			1.520	8.315	12.000	12.000	33.835	
2.1	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục NMN Phước Dân, NMN Phước Nam và trạm giao dịch Cà Ná	tr đ						-	
	Sơn lại Cổng, hàng rào sắt NMN Phước Dân và Nhà để xe Cà Ná	tr đ		20				20	
	Sơn lại Khu nhà làm việc trạm tăng áp Cà Ná	tr đ		50				50	
	Cải tạo phòng làm việc ghi thu Ninh Phước (lát gạch men và sửa chữa tam cấp)	tr đ		50				50	
	Bảo dưỡng chống thấm các bể chứa NMN Phước Dân và Cà Ná	tr đ		100				100	
2.2	Đầu tư cụm xử lý nước 2.500 M3 NMN Tân Sơn	tr đ			2.500			2.500	
2.3	Thay tấm lắng lamen cụm xử lý nước 5.000 M3 NMN Tân Sơn	tr đ			370			370	
2.4	Bảo dưỡng, chống thấm 02 khu xử lý, bể trộn, bể chứa nước sạch NMN. Tháp Chàm và các trạm tăng áp trực thuộc	tr đ		150	150			300	
2.5	Sân phơi bùn NMN Tháp Chàm	tr đ		150	150			300	
2.6	Sửa chữa công tường rào trạm tăng áp Đông Mỹ Hải	tr đ			145			145	
2.7	Xây mới trạm tăng áp khu vực Phan Rang - Tháp Chàm	tr đ		1.000	5.000	12.000	12.000	30.000	Tổng mức đầu tư 64 tỷ
3	Đầu tư khác	tr đ		-	700	-	2.000	2.700	
3.1	Mua máy in siêu tốc	tr đ			400			400	
3.2	Mua đồng hồ lưu lượng nước thô trạm 1 NMN Tháp Chàm	tr đ			300			300	

STT	Chi tiêu	DVT	năm 2018	Quý I/2019	Quý II/2019	Quý III/2019	Quý IV/2019	Cộng 2019	chú
	ĐẦU TƯ XDCB	tr đ	4.429	18.002	28.490	13.956	15.220	75.668	
3.3	Mua sắm thiết bị khác	tr đ					1.000	1.000	
3.4	Dự phòng sửa chữa, thay thế thiết bị khác	tr đ					1.000	1.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

TM. HỒ ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Hữu Sơn



BẢNG KẾ HOẠCH PHÂN KỲ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN 05 NĂM (2019-2023)

(Kèm theo Tờ trình số 237/Tr-HĐQT ngày 05/6/2019)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN HẠNG MỤC	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú
I	NHÀ MÁY NƯỚC THÁP CHÀM		30.000	81.600	18.255	4.130	3.520	
1	Nâng cấp trạm bơm cấp I			2.420	3.150			
2	Nâng cấp cụm xử lý nước 12.000 lên 24.000 m3/ngđ (4 đơn nguyên)			13.530				
3	Hệ Scada cụm xử lý nước 40.000 lên 80.000 m3/ngđ			1.650				
4	Nâng cấp trạm bơm 2				7.275		3.520	
5	Hệ thống SCADA toàn nhà máy Tháp Chàm				2.200			
6	Xây mới Trạm bơm tăng áp Phan Rang (36.000 m3/ngày đêm) và tuyến ống truyền tải kết nối vào mạng hiện hữu		30.000	64.000				
7	Nâng cấp trạm tăng áp Đông Mỹ Hải				5.630			
8	Nâng cấp trạm tăng áp Khánh Nhơn					4.130		
II	NHÀ MÁY NƯỚC PHƯỚC DÂN				6.754			
	Nâng cấp trạm tăng áp Phước Dân				6.754			
III	ĐƯỜNG ỐNG TRUYỀN TẢI NƯỚC SẠCH D600 TỪ THÁP CHÀM VỀ TRẠM TĂNG ÁP MỚI					62.370		
IV	MẠNG TUYẾN ỐNG CẤP I, II CÁC KHU VỰC			8.397	8.397	8.397	32.254	
V	MẠNG TUYẾN ỐNG PHÂN PHỐI CÁC KHU VỰC (XÂY MỚI VÀ CẢI TẠO)		4.186	5.300	5.300	5.300	5.300	
VI	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN KHÁC, MUA SẴM KHÁC		3.665	3.000	3.000	3.000	3.000	



STT	TÊN HẠNG MỤC	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú
I	NHÀ MÁY NƯỚC THÁP CHÀM		30.000	81.600	18.255	4.130	3.520	
VII	NÂNG CẤP NHÀ MÁY NƯỚC TÂN SƠN		2.870	880	1.100	3.300	-	
	Cộng	-	40.721	99.177	42.806	86.497	44.074	
	<i>Dự phòng 10%</i>			<i>9.918</i>	<i>4.281</i>	<i>8.650</i>	<i>4.407</i>	
VIII	CÁC CÔNG TRÌNH XDCB NĂM 2018 CHUYỂN SANG NĂM 2019	3.010	32.728	-	-	-	-	
1	Mở rộng, cải tạo, sửa chữa mạng lưới tuyến ống các khu vực	1.879	10.947	-	-	-	-	
	Khu vực Phan Rang - Tháp Chàm	552	266					
	Khu vực Ninh Phước	491	10.000					
	Khu vực Ninh Sơn	27	50					
	Khu vực Ninh Hải		631					
	Dự phòng cải tạo, sửa chữa mạng lưới tuyến ống cấp nước	809						
2	Cải tạo công trình thu nước NMN Tân Sơn		91					
3	Cải tạo Công trình thu NMN Tháp Chàm	65	92					
4	Xưởng gia công cơ khí NMN Tháp Chàm		400					
5	Lắp mới biến tần trạm bơm cấp I Nhà Máy Nước Tháp Chàm	294	-					
6	Công trình: Trạm bơm cấp II Nhà máy nước Tháp Chàm; Hạng mục: Thay thế bơm cấp cho khu vực Phan Rang - Phước Dân		9.400					
7	Đánh giá ĐTM Nâng cấp khu xử lý Nhà Máy nước Tháp Chàm 52.000m ³ /ngđ lên 120.000m ³ /ngđ		500					
8	Xin cấp phép khai thác nước mặt NMN Tháp Chàm		500					
9	Sửa chữa Công, tường rào khuôn viên Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận		440					

STT	TÊN HẠNG MỤC	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú
I	NHÀ MÁY NƯỚC THÁP CHÀM		30.000	81.600	18.255	4.130	3.520	
10	Sửa chữa phòng Giám đốc, phòng Chủ tịch HĐQT, sửa chữa nhà kho Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận		450					
11	Cải tạo sân đường nội bộ khuôn viên Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận		660					
12	Cải tạo nhà để xe 2 bánh thành nhà để xe ô tô, xây mới nhà để xe nhân viên Văn phòng Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận		230					
13	Xây mới các phòng làm việc và Phòng họp lớn Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận.		1.000					
14	Sơn sửa Đài nước 750m ³ Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận		170					
15	Bể chứa 1.000 M ³ Tân Sơn		3.500					
16	Nâng cấp phần mềm kế toán	20						
17	Nâng cấp phần mềm quản lý khách hàng	120	280					
18	Mua sắm thiết bị khác: Scada nhà máy nước Tân Sơn; Mua bơm chìm trạm I Nhà máy nước Tân Sơn		1.600					
19	Dự phòng thay thế thiết bị khác :Mua động cơ và bơm dự phòng trạm I Nhà máy nước Tháp Chàm; Lắp máy bơm 90 KW dự phòng - Trạm bơm tăng áp Phan Rang.	632	1.468					
20	Nâng cấp NMN Tháp Chàm từ 52,000 m ³ /ngàyđêm lên 120.000 m ³ /ngàyđêm (bước chuẩn bị đầu tư)		500					
21	Xây mới trạm tăng áp Khu vực Phan Rang - Tháp Chàm (bước chuẩn bị đầu tư)		500					
IX	CÁC CÔNG TRÌNH XDCB NĂM 2017 (đã hoàn thành, phân kỳ thanh toán)	1.419	2.219	1.222	-	-	-	
1	Cải tạo, nâng cấp NMN Tháp Chàm giai đoạn 3	461	576					



STT	TÊN HẠNG MỤC	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú
I	NHÀ MÁY NƯỚC THÁP CHÀM		30.000	81.600	18.255	4.130	3.520	
2	Lắp đặt hệ thống Scada giám sát, điều khiển cho NMN Tháp Chàm	301	301					
3	Scada quản lý mạng lưới cấp nước khu vực Ngô Quyền	258	259					
4	Cải tạo, sửa chữa các nhà máy: Van điện cánh bướm 2 mặt bích	248	249					
5	Nhà máy sản xuất nước lọc tinh khiết	151	154	318				Năm 2019 thanh toán 1 đợt; Năm 2020 thanh toán 2 đợt
6	Mua máy xử lý bùn NMN Tháp Chàm	-	680	904				Năm 2019 thanh toán 2 đợt; Năm 2020 thanh toán 2 đợt
	Tổng cộng	4.429	75.668	110.317	47.087	95.147	48.481	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Hữu Sơn

MẪU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
THẺ BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông:

Mã số tham dự:

Số lượng cổ phần tham dự: cổ phần

Sau khi nghiên cứu nội dung các Báo cáo, tờ trình tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2019, nhiệm kỳ III (2019 – 2024) của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, Tôi/Chúng tôi có ý kiến biểu quyết từng vấn đề như sau:

STT	Nội dung biểu quyết	Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
	Đánh dấu ở trên cùng nếu biểu quyết tất cả nội dung	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1	Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2014 – 2019) và kế hoạch nhiệm kỳ III (2019 – 2024)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2014 – 2019) và kế hoạch nhiệm kỳ III (2019 – 2024)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Thông qua Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Thông qua Tờ trình Ban hành Quy chế quản trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2019 và 05 năm (giai đoạn 2019 – 2023)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Thông qua Tờ trình Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019 và 05 năm (giai đoạn 2019 – 2023)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Thông qua Tờ trình chế độ thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký công ty năm 2018 và kế hoạch thù lao năm 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong ba ý kiến: *Đồng ý, Không đồng ý, Không ý kiến* cho từng nội dung biểu quyết.

Ngày 21 tháng 06 năm 2019
CỔ ĐÔNG/ ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký/ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng để tham gia làm ứng viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận)

- Họ tên:
- Giới tính:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi sinh:
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Quốc tịch:
- Dân tộc:
- Địa chỉ thường trú:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ học vấn:
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Cơ sở đào tạo

- Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...)	Đơn vị công tác	Chức vụ

14. Số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đang nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu: cổ phiếu, tương đương% vốn điều lệ;
- Đại diện (tên tổ chức:.....) sở hữu: cổ phiếu, tương đương% vốn điều lệ;

15. Danh sách người có liên quan của ứng cử viên:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Giấy ĐKDN hoặc giấy tờ pháp lý tương đương đối với tổ chức, Ngày cấp, Nơi cấp	Số lượng cổ phiếu NNT nắm giữ	Mối quan hệ

16. Lợi ích có liên quan đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có):

17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có):.....

18. Đáp ứng điều kiện Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đầy đủ, chính xác, hợp lý, đúng sự thật và tôi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ, Quy chế tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Tôi cam kết nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi sẽ thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty và đem hết năng lực, tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

....., ngày tháng năm

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----



SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng để tham gia làm Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận)

- Họ tên:
- Giới tính:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi sinh:
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Quốc tịch:
- Dân tộc:
- Địa chỉ thường trú:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ học vấn:
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Cơ sở đào tạo

- Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng.... năm... đến tháng.... năm....)	Đơn vị công tác	Chức vụ

14. Số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đang nắm giữ:

- Sở hữu cá nhân: cổ phiếu, tương đương% vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện (tên tổ chức:.....): cổ phiếu, tương đương% vốn điều lệ;

15. Danh sách người có liên quan của ứng cử viên:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Giấy ĐKDN hoặc giấy tờ pháp lý tương đương đối với tổ chức, Ngày cấp, Nơi cấp	Số lượng cổ phiếu NNT nắm giữ	Mối quan hệ

16. Lợi ích có liên quan đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có):

17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có):.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đầy đủ, chính xác, hợp lý, đúng sự thật và tôi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ, Quy chế tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Tôi cam kết nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm Kiểm soát viên, tôi sẽ thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty và đem hết năng lực, tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

....., ngày tháng năm

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---000---

....., ngày ... tháng ... năm 2019



ĐƠN ỨNG CỬ/ ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Tôi/Chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận sở hữu cổ phần tương ứng với%¹ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng (theo danh sách đính kèm) tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (ngày 27/03/2019).

Sau khi tham khảo Điều lệ, Quy chế tham gia đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên, Thể lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, Tôi/Chúng tôi đề nghị ứng cử/đề cử ứng viên tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nhiệm kỳ 2019 – 2024) như sau:

Người ứng cử/ Người được đề cử:

Họ và tên:

CMND/ CCCD/ Hộ chiếu số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

(Tài liệu liên quan đến ứng viên được đính kèm như liệt kê bên dưới)

Tôi/Chúng tôi cam kết ứng viên đáp ứng đầy đủ các điều kiện để trở thành Hội đồng quản trị của Công ty theo quy định.

Tôi/Chúng tôi cam kết đáp ứng đủ điều kiện ứng cử/ đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử/ đề cử này.

Đồng thời, chúng tôi thống nhất cử (áp dụng trong trường hợp nhóm cổ đông đề cử):

Ông/ bà:

Mã số tham dự của cổ đông (nếu có):

CMND/CCCD/ Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp:

¹ Theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền đề cử hoặc ứng cử người vào Hội đồng quản trị.

Làm đại diện nhóm để tham gia thực hiện các thủ tục đề cử/ ứng cử thành viên Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 theo đúng quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế tham gia đề cử/ ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên, Thẻ lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên của Công ty.

Trân trọng.

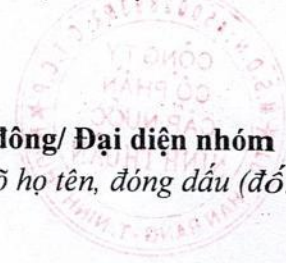
Nơi nhận:

- Như trên

Đính kèm:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên;
- Bằng chứng sở hữu cổ phần liên tục ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ;
- Bản sao y hợp lệ CMND/ CCCD/ Hộ chiếu của ứng cử viên;
- Bản sao y hợp lệ Bằng cấp, văn bằng chứng chỉ liên quan chứng minh trình độ chuyên môn của ứng cử viên.

Cổ đông/ Đại diện nhóm cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức))





DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ỨNG CỬ/ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
(NHIỆM KỲ 2019 – 2024)

(Đối với ứng cử viên
và cử ông làm đại diện nhóm)

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ ĐKDN/ QĐTL, ngày và nơi cấp	Mã số tham dự (*)	Số lượng cổ phần NNT sở hữu (**)	Chữ ký và đóng dấu (***)
01		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
02		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
03		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
04		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
05		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
06		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
07		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
08		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
09		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ ĐKDN/ QĐTL, ngày và nơi cấp	Mã số tham dự (*)	Số lượng cổ phần NNT sở hữu (**)	Chữ ký và đóng dấu (***)
10		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
11		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
12		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
Tổng					

Ghi chú:

(*): Mã số tham dự: là mã số Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận cấp cho cổ đông trên Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

(**): Số lượng cổ phần Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận mà cổ đông nắm giữ trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 (ngày 27/23/2019).

(***): Đóng dấu đối với cổ đông tổ chức.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

....., ngày ... tháng ... năm 2019



**ĐƠN ỨNG CỬ/ ĐỀ CỬ KIỂM SOÁT VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Tôi/Chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận sở hữu cổ phần tương ứng với%¹ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng (*theo danh sách đính kèm*) tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (ngày 27/03/2019).

Sau khi tham khảo Điều lệ, Quy chế tham gia đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên, Thẻ lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, Tôi/Chúng tôi đề nghị ứng cử/đề cử ứng viên tham gia vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (*nhiệm kỳ 2019 – 2024*) như sau:

Người ứng cử/ Người được đề cử:

Họ và tên:

CMND/ CCCD/ Hộ chiếu số:

Ngày cấp: Nơi cấp:.....

(*Tài liệu liên quan đến ứng viên được đính kèm như liệt kê bên dưới*)

Tôi/Chúng tôi cam kết ứng viên đáp ứng đầy đủ các điều kiện để trở thành Kiểm soát viên của Công ty theo quy định.

Tôi/Chúng tôi cam kết đáp ứng đủ điều kiện ứng cử/ đề cử ứng viên tham gia làm Kiểm soát viên và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử/ đề cử này.

Đồng thời, chúng tôi thống nhất cử (*áp dụng trong trường hợp nhóm cổ đông đề cử*):

Ông/ bà:

Mã số tham dự của cổ đông (nếu có):

CMND/CCCD/ Hộ chiếu số:ngày cấp: nơi cấp:

¹ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền đề cử hoặc ứng cử người vào Ban kiểm soát.

Làm đại diện nhóm để tham gia thực hiện các thủ tục đề cử/ ứng cử thành viên làm Kiểm soát viên tại ĐHCĐ thường niên năm 2019 theo đúng quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế tham gia đề cử/ ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên, Thẻ lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên

Đính kèm:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên;
- Bằng chứng sở hữu cổ phần liên tục ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHCĐ;
- Bản sao y hợp lệ CMND/ CCCD/ Hộ chiếu của ứng cử viên;
- Bản sao y hợp lệ Bằng cấp, văn bằng chứng chỉ liên quan chứng minh trình độ chuyên môn của ứng cử viên.

Cổ đông/ Đại diện nhóm cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức))



DANH SÁCH CỔ ĐỒNG ỨNG CỬ/ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN
THAM GIA LÀM KIỂM SOÁT VIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
(NHIỆM KỲ 2019 – 2024)

(Đối với ứng cử viên
và cử ông làm đại diện nhóm)

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ ĐKDN/ QĐTL, ngày và nơi cấp	Mã số tham dự (*)	Số lượng cổ phần CSV sở hữu (**)	Chữ ký và đóng dấu (***)
01		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
02		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
03		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
04		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
05		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
06		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
07		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
08		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
09		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ ĐKDN/ QĐTL, ngày và nơi cấp	Mã số tham dự (*)	Số lượng cổ phần CSV sở hữu (**)	Chữ ký và đóng dấu (***)
10		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
11		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
12		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
Tổng					

Ghi chú:

(*): Mã số tham dự: là mã số Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận cấp cho cổ đông trên Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

(**): Số lượng cổ phần Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận mà cổ đông nắm giữ trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 (ngày 27/03/2019).

(***): Đóng dấu đối với cổ đông tổ chức.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

MẪU



PHIẾU BẦU CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NHIỆM KỲ III (2019 – 2024)

Tên cổ đông:

Mã số tham dự:

Tổng số cổ phần biểu quyết: ... cổ phần

Tổng số phiếu bầu: ... x 05 = ... phiếu

Số thành viên Hội đồng quản trị được bầu: 05 thành viên

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (Chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho các ứng viên được chọn (đánh dấu “x” vào ứng viên được chọn)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (viết số lượng cụ thể phiếu bầu cho từng ứng viên)
(1)	(2)	(3)	(4)

Lưu ý:

- Tổng số phiếu bầu phải nhỏ hơn hoặc bằng \leq ... số phiếu bầu
- Chỉ được lựa chọn tối đa 05 trong số các ứng viên HĐQT
- Nếu không bầu cho ứng viên nào: Cổ đông gạch lên cả họ và tên của ứng viên không được chọn, hoặc điền số “0” hoặc bỏ trống cột “Số phiếu bầu” cho ứng viên đó.
- Cổ đông chỉ được ghi phiếu bầu cử theo một trong hai cách đã quy định trong Thể lệ bầu cử.
- Nếu Quý cổ đông không rõ về cách điền Phiếu bầu cử, vui lòng liên hệ với Ban kiểm phiếu để được hướng dẫn trước khi bỏ phiếu.

Ngày 21 tháng 06 năm 2019

CỔ ĐÔNG/ ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký/ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

MẪU



PHIẾU BẦU CỬ

KIỂM SOÁT VIÊN

NHIỆM KỲ III (2019 – 2024)

Tên cổ đông:

Mã số tham dự:

Tổng số cổ phần biểu quyết: ... cổ phần

Tổng số phiếu bầu: ... x 3 = ... phiếu

Số Kiểm soát viên được bầu: 03 thành viên

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (Chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho các ứng viên được chọn (đánh dấu “x” vào ứng viên được chọn)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (viết số lượng cụ thể phiếu bầu cho từng ứng viên)
(1)	(2)	(3)	(4)

Lưu ý:

- Tổng số phiếu bầu phải nhỏ hơn hoặc bằng \leq ... số phiếu bầu
- Chỉ được lựa chọn tối đa 03 ứng viên Kiểm soát viên
- Nếu không bầu cho ứng viên nào: Cổ đông gạch lên cả họ và tên của ứng viên không được chọn, hoặc điền số “0” hoặc bỏ trống cột “Số phiếu bầu” cho ứng viên đó.
- Cổ đông chỉ được ghi phiếu bầu cử theo một trong hai cách đã quy định trong Thẻ lệ bầu cử.
- Nếu Quý cổ đông không rõ về cách điền Phiếu bầu cử, vui lòng liên hệ với Ban kiểm phiếu để được hướng dẫn trước khi bỏ phiếu.

Ngày 21 tháng 06 năm 2019

CỔ ĐÔNG/ ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký/ghi rõ họ tên)

Quý cổ đông sử dụng Phiếu này để biểu quyết các vấn đề chung và phát sinh mới tại Đại hội

Số hữu: ... Cổ phần

Ủy quyền: ... Cổ phần

... CỔ PHẦN

Số cổ phần biểu quyết:

PHIẾU BIỂU QUYẾT

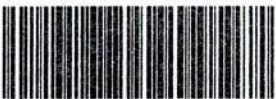
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUAN



Tên cổ đông

Mã số tham dự :

MẪU



Số: 2019/NQ-ĐHĐCĐ

---o0o---
Ninh Thuận, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NHIỆM KỲ III (2019-2024)
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận;
- Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận ngày 21/06/2019;

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Thông qua Tờ trình v/v miễn nhiệm HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2014 - 2019) và bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ III (2019 – 2024) (tài liệu đính kèm).
- Điều 2.** Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch phát triển năm 2019 (tài liệu đính kèm), với một số chỉ tiêu hoạt động chính như sau:

✚ **Một số chỉ tiêu hoạt động chính trong năm 2018:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2018/ kế hoạch 2018
1	Tổng Doanh thu	142.790	156.923	110%
2	Lợi nhuận trước thuế	25.357	41.431	163%
3	Lợi nhuận sau thuế	22.735	36.415	160%
4	Vốn chủ sở hữu		150.338	
5	Tổng Tài sản		381.058	
6	Tỷ suất LN sau thuế/ Vốn CSH (ROE) (%)		24,22	



Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2018/ kế hoạch 2018
7	Tỷ suất LN sau thuế/ Tổng tài sản (ROA) (%)		9,56	

⚡ **Nhiệm vụ kế hoạch năm 2019**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019
1	Nước sản xuất	triệu m ³	21.642
2	Nước ghi thu	triệu m ³	18.035
3	Đồng hồ nước lắp đặt mới	cái	4.000
4	Đồng hồ nước thay thế	cái	4.000
5	Tỷ lệ thất thoát	%	< 20%
6	Doanh thu	tỷ đồng	
	- Nước ghi thu	tỷ đồng	142.866
	- Lắp đặt	tỷ đồng	3.500
	- Doanh thu tài chính + thu nhập khác	tỷ đồng	7.040
7	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	41.626

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2014 – 2019) và kế hoạch nhiệm kỳ III (2019 – 2024) (tài liệu đính kèm).

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2014 – 2019) và kế hoạch nhiệm kỳ III (2019 – 2024) (tài liệu đính kèm).

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 (tài liệu đính kèm).

Điều 6. Thông qua Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động (tài liệu đính kèm).

Điều 7. Thông qua Tờ trình Ban hành Quy chế quản trị (tài liệu đính kèm).

Điều 8. Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2018 (tài liệu đính kèm).

⚡ **Phân phối lợi nhuận:**

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	2.016.909.427	a
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	36.414.564.048	b
3	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	38.431.473.475	c = (a+b)
4	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2018	7.500.798.265	d = e+f+g

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	+ Quỹ đầu tư phát triển (5% LNST)	1.820.728.202	e = (b * 5%)
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3 tháng lương thực hiện + 2% phần tăng thêm lợi nhuận thực hiện so với kế hoạch). Trong đó:	5.462.489.927	f
	- <i>Quỹ khen thưởng</i>	4.800.000.000	
	- <i>Quỹ phúc lợi</i>	662.489.927	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý (1,5 tháng lương thực hiện)	217.580.136	g
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	30.930.675.210	h = c - d
6	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 20% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	18.981.682.000	i
	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)</i>	2.000	
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2019	11.948.993.210	j = h - i

✦ **Thời điểm chi trả cổ tức:**

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức là ngày 19/07/2019.
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 19/08/2019.

Điều 9. Thông qua Tờ trình chế độ thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký công ty năm 2018 và kế hoạch thù lao năm 2019 (tài liệu đính kèm)

✦ **Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2018:**

a/ Hội đồng quản trị:

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/05/2018:

+ Thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị không chuyên trách:

01 người, mức chi là: 31.502.000 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 54.004.000 đồng

Từ ngày 01/06/2018 đến ngày 31/12/2018:

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 233.747.605 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 151.211.200 đồng

Tổng cộng: 470.464.805 đồng

28936
IGTY
PHẦN
NƯỚC
THU
3-T.N

Bằng chữ: *Bốn trăm bảy mươi triệu, bốn trăm sáu mươi bốn ngàn, tám trăm lẻ năm đồng*

b/ Ban kiểm soát:

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/05/2018:

+ Thù lao Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách:

01 người, mức chi là: 27.002.000 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 43.203.000 đồng

Từ ngày 01/06/2018 đến ngày 31/12/2018:

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 192.794.518 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

01 người, mức chi là: 30.242.100 đồng

Tổng cộng: 293.241.618 đồng

Bằng chữ: *Hai trăm chín mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi một ngàn, sáu trăm mười tám đồng*

c/ Thư ký công ty:

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/05/2018:

+ Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-CNNT ngày 05/9/2014 về việc chi tiền thù lao cho thư ký Công ty:

01 người, mức chi là: 7.500.000 đồng

Từ ngày 01/06/2018 đến ngày 31/12/2018:

+ Căn cứ Nghị quyết số 150/NQ-HĐQT ngày 11/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty;

+ Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-CNNT ngày 06/7/2018 về việc chi tiền thù lao cho Thư ký Công ty: mức chi thù lao cho Thư ký Công ty bằng mức chi thù lao của thành viên ban kiểm soát,

01 người, mức chi là: 30.242.100 đồng

Tổng cộng: 37.742.100 đồng

Bằng chữ: *Ba mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi hai ngàn, một trăm đồng.*

Tổng cộng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **801.448.523 đồng**

Bằng chữ: *Tám trăm lẻ một triệu, bốn trăm bốn mươi tám ngàn, năm trăm hai mươi ba đồng.*

Kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2019:

a/ Hội đồng quản trị:

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

- 01 người, mức chi là: 400.710.180 đồng
+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:
04 người, mức chi là: 259.219.200 đồng

b/ Ban kiểm soát:

- + Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:
01 người, mức chi là: 330.504.888 đồng
+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:
01 người, mức chi là: 51.843.600 đồng
01 người (từ tháng 05/2019), mức chi là: 34.562.400 đồng

c/ Thư ký:

- + Thù lao Thư ký Công ty:
01 người, mức chi là: 51.843.600 đồng

Tổng cộng: 1.128.683.868 đồng

Bằng chữ: Một tỷ một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn tám trăm sáu mươi tám đồng.

Điều 10. Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 (tài liệu đính kèm).

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn một trong 03 công ty kiểm toán độc lập dưới đây và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO
- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Điều 11. Thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2019 và 05 năm (giai đoạn 2019 – 2023) (tài liệu đính kèm).

Điều 12. Thông qua Tờ trình Kế hoạch đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2019 và 05 năm (giai đoạn 2019 – 2023) (tài liệu đính kèm).

Điều 13. Thông qua Kết quả Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên nhiệm kỳ III (2019 – 2024), như sau:

✦ **Danh sách các ứng viên trúng cử Hội đồng quản trị (Theo trình tự A, B, C):**

1. Ông/Bà ...
2. Ông/Bà ...
3. Ông/Bà ...
4. Ông/Bà ...
5. Ông/Bà ...

✦ **Danh sách các ứng viên trúng cử Ban kiểm soát (Theo trình tự A, B, C):**

1. Ông/Bà ...
2. Ông/Bà ...
3. Ông/Bà ...

Điều 14. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2019-2024) và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Các TV HĐQT, Ban TGD, Ban KS;
- CBTT Website Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

Phạm Hữu Sơn

HƯỚNG DẪN VỀ NGUYÊN TẮC BẦU DÒN PHIẾU



Quý cổ đông tham khảo ví dụ sau đây:

Cổ đông sở hữu số cổ phiếu NNT tại đại hội là 1.000 cổ phần, như vậy tổng số phiếu bầu của cổ đông khi thực hiện bầu cho HĐQT là 1.000 cổ phần x 5 người = 5.000 phiếu bầu.

- Cổ đông có thể bầu cho các ứng cử viên HĐQT mà mình lựa chọn với số phiếu bầu cụ thể như sau:

Ghi phiếu bầu theo cách 1:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (Chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho tối đa 5 ứng viên được chọn (đánh dấu "x" vào ứng viên được chọn)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (viết số lượng cụ thể phiếu bầu cho từng ứng viên)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ứng cử viên 1		2.500
2	Ứng cử viên 2		500
3	Ứng cử viên 3		0
4	Ứng cử viên 4		500
5	Ứng cử viên 5		0
6	Ứng cử viên 6		0
7	Ứng cử viên 7		500
8	Ứng cử viên 8		1.000

Trường hợp này, cổ đông đã bầu cho 5 ứng viên với tổng cộng số phiếu bầu là 5.000 phiếu bầu.



Hoặc:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (Chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho tối đa 5 ứng viên được chọn (đánh dấu “x” vào ứng viên được chọn)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (viết số lượng cụ thể phiếu bầu cho từng ứng viên)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ứng cử viên 1		2.500
2	Ứng cử viên 2		2.500
3	Ứng cử viên 3		
4	Ứng cử viên 4		
5	Ứng cử viên 5		
6	Ứng cử viên 6		
7	Ứng cử viên 7		
8	Ứng cử viên 8		

Trường hợp này, cổ đông đã bầu cho 2 ứng viên số 1 và số 2 với tổng cộng số phiếu bầu là 5.000 phiếu bầu.

Hoặc:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (Chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho tối đa 5 ứng viên được chọn (đánh dấu “x” vào ứng viên được chọn)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (viết số lượng cụ thể phiếu bầu cho từng ứng viên)
(1)	(2)	(3)	(4)

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (Chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho tối đa 5 ứng viên được chọn (đánh dấu "x" vào ứng viên được chọn)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (viết số lượng cụ thể phiếu bầu cho từng ứng viên)
1	Ứng cử viên 1		4.500
2	Ứng cử viên 2		0
3	Ứng cử viên 3		
4	Ứng cử viên 4		
5	Ứng cử viên 5		
6	Ứng cử viên 6		
7	Ứng cử viên 7		
8	Ứng cử viên 8		

Trường hợp này, cử động đã bầu cho 2 ứng viên số 1 với tổng cộng số phiếu bầu là 4.500 phiếu bầu (thấp hơn số phiếu bầu mà cử động có).

Ghi phiếu bầu theo cách 2:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (Chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho tối đa 5 ứng viên được chọn (đánh dấu "x" vào ứng viên được chọn)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (viết số lượng cụ thể phiếu bầu cho từng ứng viên)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ứng cử viên 1	X	
2	Ứng cử viên 2	X	

3	Ứng cử viên 3		
4	Ứng cử viên 4		
5	Ứng cử viên 5		
6	Ứng cử viên 6		
7	Ứng cử viên 7		
8	Ứng cử viên 8		

Trường hợp này sẽ được hiểu là cử đồng bầu chọn ứng cử viên số 1, số 2, và cử đồng đã chia đều tổng số phiếu bầu của mình cho 02 ứng viên với số phiếu bầu cho mỗi người là $5.000 / 2 = 2.500$ phiếu bầu

Hoặc:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu	
		(Chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
(1)	(2)	Chia đều tổng số phiếu cho tối đa 5 ứng viên được chọn (đánh dấu "x" vào ứng viên được chọn)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (viết số lượng cụ thể phiếu bầu cho từng ứng viên)
1	Ứng cử viên 1	X	
2	Ứng cử viên 2	X	
3	Ứng cử viên 3	X	
4	Ứng cử viên 4		
5	Ứng cử viên 5	X	
6	Ứng cử viên 6	X	
7	Ứng cử viên 7		
8	Ứng cử viên 8		

Trường hợp này sẽ được hiểu là cử đồng bầu chọn cho 5 ứng cử viên gồm ứng cử viên số 1, số 2, số 3, số 5, số 6 và cử đồng đã chia đều tổng số phiếu bầu của mình cho 05 ứng viên với số phiếu bầu cho mỗi người là $5.000 / 5 = 1.000$ phiếu bầu